

Số: /BC-UBND

Thường Tín, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Thuyết minh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 9 tháng đầu năm 2024

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Tổng thu NSNN 9 tháng đầu năm 2024 thực hiện 1.089.194 triệu đồng, đạt 88,42% dự toán giao và tăng 54,60% so cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu NSNN 9 tháng đầu năm 2024 thực hiện 527.892 triệu đồng đạt 106,69% dự toán, tăng 38,74% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: 234.922 triệu đồng, thu lệ phí, lệ phí: 30.574 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân: 65.361 triệu đồng, thu tiền thuê mặt đất mặt nước: 34.043 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất: 561.302 triệu đồng... Chi tiết như sau:

1. Thu thuế CTN ngoài quốc doanh:

Thực hiện: 234.922 triệu đồng đạt 97,08% dự toán giao và tăng 50,12% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó thu chủ yếu là thuế giá trị gia tăng thực hiện: 170.716 triệu đồng đạt 103,46% dự toán giao; thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện: 63.945 triệu đồng đạt 83,05% dự toán giao.

2. Thu lệ phí trước bạ:

Thực hiện: 83.795 triệu đồng, đạt 92,08% dự toán giao và tăng 24,70% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó thu lệ phí trước bạ nhà đất: 19.771 triệu đồng đạt 335,10% dự toán giao; lệ phí trước bạ xe máy, ô tô: 64.024 triệu đồng đạt 75,23% dự toán giao.

3. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

Thực hiện: 4.427 triệu đồng, đạt 68,11% dự toán giao và tăng 5,49% so với cùng kỳ năm 2023.

4. Thu phí, lệ phí:

Thực hiện: 30.574 triệu đồng (Trong đó: thu phí, lệ phí trung ương và thành phố hưởng 100% là 23.861 triệu đồng, huyện hưởng 100% là 6.713 triệu đồng), đạt 76,44% dự toán giao và bằng 98,13% so với cùng kỳ năm 2023.

5. Thu tiền sử dụng đất:

Thực hiện: 561.302 triệu đồng, đạt 76,16% dự toán giao và tăng 7,03% so với cùng kỳ năm 2024.

6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:

Thực hiện: 34.043 triệu đồng, đạt 76,65% dự toán giao và tang 91,98% so với cùng kỳ năm 2023.

7. Thuế thu nhập cá nhân:

Thực hiện: 65.361 triệu đồng, đạt 159,42% so dự toán giao và tang 93,14% so với cùng kỳ năm 2023.

8. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản

Thực hiện: 13.542 triệu đồng, đạt 119,84% dự toán giao và bằng 49,80% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó:

+ Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất thực hiện: 10.558 triệu đồng, đạt 199,21% dự toán giao và bằng 44,77% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản thực hiện: 2.984 triệu đồng, đạt 49,73% dự toán giao và bằng 82,64% so với cùng kỳ năm 2023.

9. Thu khác:

Thực hiện: 61.228 triệu đồng, đạt 340,16% dự toán giao và tăng 41,41% so với cùng kỳ năm 2024.

II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

Tổng chi ngân sách huyện 9 tháng đầu năm 2024 thực hiện 2.767.405 triệu đồng đạt 71,78% dự toán giao, bằng 82,37% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ khoản chi chuyển giao ngân sách bổ sung cho ngân sách cấp xã thì tổng chi ngân sách huyện là 2.425.341 triệu đồng đạt 66,73% dự toán giao đầu năm, tăng 19,49% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách

Tổng chi cân đối ngân sách huyện 9 tháng đầu năm 2024 thực hiện: 2.295.275 triệu đồng, đạt 79,87% dự toán giao và bằng 78,29% so cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Chi đầu tư XDCB: thực hiện 1.418.712 triệu đồng đạt 81,61% dự toán và bằng 81,61% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên thực hiện 874.063 triệu đồng đạt 81,28% dự toán giao và bằng 84,80% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó một số chỉ tiêu có số chi lớn như: chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề thực hiện 473.092 triệu đồng chiếm 50,01%; chi sự nghiệp đảm bảo xã hội thực hiện 149.071 triệu đồng chiếm 17,05%; chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể thực hiện 192.172 triệu đồng chiếm 21,99%; chi bảo vệ môi trường 22.766 triệu đồng chiếm 2,60%...

2. Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách thành phố cấp

Tổng chi từ nguồn bổ sung mục tiêu ngân sách thành phố cấp 9 tháng đầu năm 2024 thực hiện: 132.566 triệu đồng đạt 17,36% dự toán giao và tăng 77,09% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư XDCCB: 76.975 triệu đồng đạt 11,83% dự toán giao
- Chi thường xuyên: thực hiện 55.605 triệu đồng đạt 49,25% dự toán giao.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tổng hợp tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của huyện Thường Tín./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Minh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.994.800	2.081.934	104,37	120,97
I	Thu cân đối NSNN	1.994.800	1.089.194	54,60	145,57
1	Thu nội địa	1.994.800	1.089.194	54,60	145,57
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		992.740		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	3.634.287	2.425.341	66,73	119,49
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	2.870.802	2.292.775	79,87	127,73
1	Chi đầu tư phát triển	1.738.427	1.418.712	81,61	134,62
2	Chi thường xuyên	1.075.338	874.063	81,28	117,93
3	Dự phòng ngân sách	57.037	-		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	763.485	132.566	17,36	56,47

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.994.800	1.089.194	54,60	108,51
I	Thu nội địa	1.994.800	1.089.194	54,60	108,51
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	242.000	234.922	97,08	92,00
2	Thuế thu nhập cá nhân	41.000	65.361	159,42	193,14
3	Thuế bảo vệ môi trường		41		
4	Lệ phí trước bạ	91.000	83.795	92,08	124,70
	- Trước bạ nhà đất	5.900	19.771	335,10	511,27
	- Trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền	85.100	64.024	75,23	101,10
5	Thu phí, lệ phí	40.000	30.574	76,44	98,13
	Trung ương, TP hưởng 100%	33.200	23.861	71,87	96,24
	Huyện hưởng 100%	6.800	6.713	98,72	105,48
6	Các khoản thu về nhà, đất	1.551.500	599.772	38,66	109,89
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.500	4.427	68,11	123,35
-	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	561.302	37,42	107,03
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	45.000	34.043	75,65	191,98
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
7	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
8	Thu khác ngân sách	18.000	61.187	339,93	141,34
	Trung ương, TP hưởng 100%	12.100	40.259	332,72	122,65
	Huyện hưởng 100%	5.900	20.928	354,71	199,92
9	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	11.300	13.542	119,84	375,02
	Trong đó: Thu tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	5.300	10.558	199,21	44,77
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.751.900	818.881	46,74	109,44

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Kết quả thực hiện quý III/2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	3.855.165	2.767.405	71,78	82,37
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.870.802	2.292.775	79,87	78,29
I	Chi đầu tư phát triển	1.738.427	1.418.712	81,61	74,28
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.738.427	1.418.712	81,61	74,28
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-		
II	Chi thường xuyên	1.075.338	874.063	81,28	84,80
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	514.690	437.092	84,92	76,99
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.588	1.542	97,10	856,42
4	Chi văn hóa thông tin	12.773	5.930	46,43	111,67
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.686	882	52,31	118,37
6	Chi thể dục thể thao	2.319	1.107	47,74	112,19
7	Chi bảo vệ môi trường	34.313	22.766	66,35	81,37
8	Chi hoạt động kinh tế	26.371	12.557	47,62	134,66
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	235.187	192.172	81,71	91,97
10	Chi bảo đảm xã hội	185.410	149.071	80,40	84,69
11	Chi Quốc phòng	27.002	29.096	107,76	85,91
12	Chi an ninh	20.233	16.892	83,49	93,58
13	Chi ngân sách khác	13.766	4.955	35,99	67,00
III	Dự phòng ngân sách	57.037			
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	763.485	132.566	17,36	177,09
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	167.000	17.986		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	483.572	58.975	12,20	247,03
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	112.913	55.605	49,25	60,47
C	CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	220.878	342.064	154,87	72,96
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	220.878	342.064	154,87	72,83
	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>195.378</i>	<i>138.024</i>	<i>70,64</i>	<i>95,68</i>
	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>25.500</i>	<i>204.040</i>		<i>57,37</i>
2	Chi nộp ngân sách cấp trên		-		